

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc thông qua dự thảo nghị quyết ban hành quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này “Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu, khóa X, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023. Thay thế Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*về việc quy định mức chi đối với một số khoản chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*”./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: TC, TP, KH và CN (báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở : TC, TP, KH và CN;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu (NH).



CHỦ TỊCH *llh*

Lữ Văn Hùng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**
(Kèm theo Nghị quyết số 30 /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

a) Sở Tư pháp.

b) Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ).

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Các nội dung chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành, cụ thể như sau:

a) Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả công tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản) được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh “về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”.

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*về việc quy định nội dung và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

c) Đối với các khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*về việc quy định một số mức chi có tính đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

d) Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*về việc quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

đ) Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

e) Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng.

g) Đối với các khoản chi báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*ban hành quy định định mức phân bổ và mức chi cho một số nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

2. Mức chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được quy định như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

T T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện - Cấp xã
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
a	Chủ trì cuộc họp	Người/ buổi	150	120

T T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện - Cấp xã
b	Các thành viên tham dự	Người/ buổi	100	80
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.500	960
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản (bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng Sở, Ban, Ngành, tổ chức, cơ quan Nhà nước khác ở địa phương, đơn vị), cụ thể:			
-	Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh	01 báo cáo	7.000	
-	Báo cáo của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	01 báo cáo	3.000	1.900
-	Báo cáo của các Phòng, Ban, Ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập	01 báo cáo		1.500
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400	260
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp); một báo cáo được thanh toán không quá ba lần chỉnh lý	01 lần chỉnh lý	900	580
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	
6	Chi tự kiểm tra, kiểm tra văn bản theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 111, khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP			
a	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	250	160



T T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện - Cấp xã
b	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	500	320
7	Chi rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	01 văn bản	160	130
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản	01 văn bản		
a	Mức chi chung		300	190
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp		600	380
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp	01 văn bản	200	160
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản	150	100
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	150	100
b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	

T T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện - Cấp xã
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo)	01 tài liệu (01 văn bản)	70	70
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	
13	Đối với các khoản chi khác: làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm		Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí	

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phục vụ hoạt động tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản.

2. Kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách Nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH